TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/DS-ST
Ngày: 05-02-2026
V/v Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thạch Thị Sa The**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Giáp

- Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Công Trận** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thoa –** Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Trần Đại H; Sinh ngày 01/3/1973; Số CCCD 05407300…, ngày cấp 13/4/2021 - Chủ hộ kinh doanh đại lý TH; Nơi cư trú: Số 34, khóm Trà Niên, phường Khánh Hòa, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Mai Ch; Sinh ngày 19/3/1997; Số CCCD 09419701…, cấp ngày 28/12/2023; Nơi cư trú: Ấp Trà Sết, xã Vĩnh Hải, thành phố Cần Thơ. (Theo Giấy ủy quyền ngày 30/5/2025) (có mặt)

* *Bị đơn*: - Ông Nguyễn Văn K; Sinh ngày 01/01/1978; Số CMND 36512…, cấp ngày 04/10/2018; Nơi cư trú: Ấp SB, xã L, thành phố C. (vắng mặt)

- Bà Kim Thị Th; Sinh ngày 01/01/1976; Số CMND 36505….., cấp ngày 04/10/2018; Nơi cư trú: Ấp SB, xã L, thành phố C. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/8/2025 (bút lục số 55) của nguyên đơn ông Trần Đại H và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị Mai Ch trình bày:

Nguyên vào năm 2020, ông Trần Đại H có thực hiện mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với ông Nguyễn Văn K và bà Kim Thị Th thông qua hợp đồng mua bán ngày 23/8/2020. Bên cạnh đó hai bên còn giao dịch thông qua sổ giao nhận hàng ghi tên" Anh Khá Cly". Theo thỏa thuận, bắt đầu từ 23/8/2020 bên ông Trần Đại H bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông Kh, bà Th, hàng hóa được nhân viên của ông H giao hàng bằng việc chở đến tận nơi hoặc ông Kh, bà Th hoặc người nhà của ông Kh, bà Th đến lấy hàng tại kho hàng của ông H. Ông Kh, bà Th tiến hành kiểm tra và ký bản đối chiếu xác nhận công nợ khi ông H yêu cầu. Cuối vụ thu hoạch tôm, theo hợp đồng ông Kh, bà Th phải thanh toán hết tiền hàng cho ông H. Trường hợp sau khi thu hoạch tôm mà ông Kh, bà Th không thanh toán tiền hàng, ông H có quyền cắt hàng và đề nghị vợ chồng ông Kh, bà Th thanh toán hết số tiền hàng còn nợ cho ông H. Thời điểm cắt hàng được xem là thời điểm chấm dứt giao dịch.

Trong quá trình thực hiện giao dịch, ông H đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của ông Kh, bà Th. Sau khi nhận hàng ông Kh, bà Th không hề phàn nàn hay có khiếu nại gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà ông H đã giao. Mặc dù ông H thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng, nhưng ông Kh, bà Th đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, cụ thể: đến cuối vụ tôm ông Kh, bà Th không thanh toán hết tiền hàng cho ông H. Theo đó, tính đến ngày 11/7/2022 ông Kh, bà Th còn nợ ông H số tiền là 231.736.000 đồng. Mặc dù ông H đã nhiều lần nhờ nhân viên đến yêu câu ông Kh, bà Th trả tiền hàng còn nợ nhưng đến nay ông Kh, bà Th vẫn cố tình không thanh toán. Hành vi cố tình không trả nợ ông Kh, bà Th đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, nay ông quyết định khởi kiện ông Kh, bà Th ra Tòa án.

Nay ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn K và bà Kim Thị Th liên đới trả cho ông Trần Đại H số tiền nợ gốc là 231.736.000 đồng và tiền lãi chậm phát từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi ông Kh, bà Th trả xong nợ cho ông H.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: Căn cước công dân Trần Đại H (bản sao chứng thực); Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (bản sao có chứng thực); Căn cước công dân của Đỗ Thị Mai Ch (bản sao); Giấy ủy quyền ngày 20/5/2025; Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 18/10/2022, 10/5/2022; Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của Nguyễn Văn K và Kim Thị Th (bản sao); Sổ mua bán hàng ghi "A.Kh – Cly L"; Hợp đồng mua bán ngày 23/8/2020. Đơn xin yêu cầu hỗ trợ gửi bản sao cho bị đơn do ông Trần Đại H lập; Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải đối thoại. Đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải về vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đơn khởi kiện ngày 04/8/2025, ông Trần Đại H yêu cầu ông Kh, bà Th trả nợ gốc cho ông H với số tiền là 231.736.000 đồng và tiền lãi chậm trả tương ứng với lãi suất 10%/năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi ông Kh, bà Th trả xong nợ cho ông H. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Kh, bà Th trả nợ gốc cho nguyên đơn là

231.736.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Kim Thị Th: Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo đã thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của Trần Đại H nhưng ông Nguyễn Văn K và bà Kim Thị Th không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Ông Nguyễn Văn K và bà Kim Thị Th còn vắng mặt không có lý do trong cả 02 phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cho ông Nguyễn Văn K và bà Kim Thị Th, trong đó có ghi nhận về phạm vi và yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H là ông Nguyễn Văn K và bà Kim Thị Th còn nợ số tiền 231.736.000 đồng. Phiên tòa ngày 21/01/2026, bị đơn vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ, tiếp tục không phản đối yêu cầu khởi kiện cũng như tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tung dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác đúng quan hệ tranh chấp là "hợp đồng mua bán tài sản"; Về xác định tư cách của nguyên đơn trong vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn là ông Trần Đại H – Chủ hộ kinh doanh đại lý TH; Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Kim Thị Th phải liên đới trả nguyên đơn số còn thiếu nợ là 231.736.000 đồng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét Hợp đồng mua bán tài sản được giao kết giữa nguyên đơn ông Trần Đại H – Chủ hộ kinh doanh đại lý TH và bị đơn Nguyễn Văn K và bà Kim Thị Th, cùng cư trú tại Ấp SB, xã L, thành phố C là thực tế và là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, đây là giao dịch dân sự được quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về xác định tư cách đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định nguyên đơn là ông Trần Đại H là chưa chính xác, nay Hội đồng xét

xử xác định lại nguyên đơn là ông Trần Đại H – Chủ hộ kinh doanh đại lý TH cho phù hợp.

[1.3] Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu trả số tiền lãi chậm trả tương ứng với lãi suất 10%/năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi ông Kh, bà Th trả xong nợ cho ông H. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và việc thay đổi này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn.

[1.4] Bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Kim Thị Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đối với bị ông Nguyễn Văn K và bà Kim Thị Th.

[2] Về nội dung giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn ông Trần Đại H yêu cầu ông Nguyễn Văn K và bà Kim Thị Th liên đới trả cho ông Trần Đại H số tiền nợ gốc là 231.736.000 đồng (Hai trăm ba mươi mốt triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng) phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản giữa ông H và ông Kh, bà Th; xét thấy: Căn cứ vào hợp đồng hai bên đã ký kết, Sổ giao nhận hàng, Bảng đối chiếu công nợ giữa các bên, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì có cơ sở khách quan để Hội đồng xét xử kết luận việc mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản giữa nguyên đơn ông Trần Đại H – Chủ hộ kinh doanh đại lý TH và bị đơn ông Nguyễn Văn K, bà Kim Thị Th và các bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền 231.736.000 đồng (Hai trăm ba mươi mốt triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng) là sự thật. Theo khoản 1 Điều 440 cũa Bộ luật dân sự năm 2015 thì *"Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, đại điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng"*, do đó ông Trần Đại H yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn K, bà Kim Thị Th có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn nợ lại là 231.736.000 đồng (Hai trăm ba mươi mốt triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng) là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân khu vực 9 – Cần Thơ tại phiên tòa là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn đơn ông Nguyễn Văn K và bà Kim Thị Th phải liên đới chịu toàn bộ án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 288, 430, 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 27 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H – Chủ hộ kinh doanh đại lý TH đối với bị đơn Nguyễn Văn K và bà Kim Thị Th về tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc Nguyễn Văn K và bà Kim Thị Th có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Trần Đại H – Chủ hộ kinh doanh đại lý TH số tiền còn nợ là 231.736.000 đồng (Hai trăm ba mươi mốt triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, Nguyễn Văn K và bà Kim Thị Th còn phải liên đới trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn K và bà Kim Thị Th phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.586.800 đồng (Mười một triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm đồng)

Ông Trần Đại H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.793.000 đồng (Năm triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006696 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- TAND TP Cần Thơ (P. GĐ, KT, TT&THA);
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Thị Sa The